TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST Ngày 14-9-2020. V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh Luyện**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Hoài**.
2. Ông **Nguyễn Minh Biên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Nga** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thu Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Tẩn Mai H - Sinh năm: 1994; Địa chỉ: Thôn Cóoc Cái, xã B, huyện Bát X, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Dao; Trình độ văn hóa: 12/12; Hôm nay vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. ***Bị đơn:*** Anh **Ninh Văn T**- Sinh năm: 1993; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Kinh; Địa chỉ: Thôn Làng Má, xã Đạo Đ, huyện V, tỉnh H. Hiện nay đang chấp hành án tại phân trại số 01 trại giam Tân l, huyện H, tỉnh Phú T; Hôm nay vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 08-5-2020 của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án của chị Tẩn Mai H trình bày: Chị và anh Ninh Văn T trước khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Có đăng ký kết hôn vào ngày 02-6-2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đạo Đ, huyện V, tỉnh H. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 02-2017, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình chị có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Sự mâu thuẫn của vợ chồng chị chưa được nhờ đến cấp chính quyền địa phương giải quyết, chỉ

được hai bên gia đình nội ngoại khuyên giải nhưng vợ chồng chị vẫn không khắc phục được. Vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ tháng 02-2017 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình. Nay chị có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ninh Văn T để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị có một con chung là cháu Ninh Vi A, sinh ngày 09-7-2015. Hiện nay cháu A đang ở với chị tại Thôn Cóoc Cái, xã B, huyện Bát X, tỉnh L. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu A cho đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh Ninh Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản, công nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ninh Văn T trình bày tại bản tự khai ghi ngày 31-7-2020 có nội dung: Anh T nhất trí với lời trình bày của chị Tẩn Mai H về điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ, chồng anh chung sống bình thường. Đến khoảng tháng 02-2017, vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình anh có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, vợ chồng anh đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh T nhất trí.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh T có một con chung là cháu Ninh Vi A, sinh ngày 09-7-2015; Hiện nay cháu A đang ở với chị H tại Thôn Cóoc Cái, xã B, huyện Bát X, tỉnh L. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng giao cháu A cho chị Tẩn Mai H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản, công nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tòa án không tiến hành hòa giải được vì đương sự có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt do anh T đang đi chấp hành án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Tẩn Mai H có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 14 tháng 8 năm 2020. Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, đơn xin giải quyết vắng mặt của chị Tẩn Mai H và các tài liệu kèm theo. Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn với anh T. Về con chung: Chị H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ninh Vi A, sinh ngày 09-7-2015 cho đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị H yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Anh Ninh Văn T có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 31 tháng 7 năm 2020. Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố toàn bộ nội dung biên tự khai ghi ngày 31-7-2020, anh T có quan điểm nhất trí ly hôn chị H. Về con chung: Anh T có nguyện vọng giao cháu A cho chị Tẩn Mai H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, khoản 2 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 4 Điều 147 Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án". Đề nghị HĐXX**:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" của chị Tẩn Mai H đối với anh Ninh Văn T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tẩn Mai H và anh Ninh Văn T ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Ninh Vi A, sinh ngày 09-7-2015 cho chị Tẩn Mai H trú tại Thôn Cóoc Cái, xã B, huyện Bát X, tỉnh L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 14-9-2020.

Anh Ninh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi cháu A và có quyền được thăm nom con chung sau khi ly hôn.

4. Về tài sản, công nợ chung**:** Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Tẩn Mai H về việc xin ly hôn với anh Ninh Văn T được Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tẩn Mai H và anh Ninh Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 02-6-2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đạo Đ, huyện V, tỉnh H, nên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 02-

2017 vợ, chồng chị H, anh T phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do cuộc sống gia đình có nhiều điểm bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H có đơn xin ly hôn với anh T. Tòa án nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T cuộc sống chung không hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Có 01 con chung: Cháu Ninh Vi A, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2015.

[3.] Xét thấy phù hợp với nguyện vọng của chị H và anh T Tòa án thấy cần được chấp nhận để bảo đảm việc nuôi dạy con cái sau khi ly hôn.

[3.2] Giao cháu Ninh Vi A, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2015 cho chị Tẩn Mai H trú tại Thôn Cóoc Cái, xã B, huyện Bát X, tỉnh L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 14-9-2020.

[3.3] Các bên đương sự có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

Theo khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị H và anh T xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tẩn Mai H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Chị Tẩn Mai H và anh Ninh Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ:

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

[2] Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Tẩn Mai H đối với anh Ninh Văn T.

2. Về quan hệ hôn nhân*:* Chị Tẩn Mai H và anh Ninh Văn T ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Ninh Vi A, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2015 cho chị Tẩn Mai H trú tại Thôn Cóoc Cái, xã B, huyện Bát X, tỉnh L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 14-9-2020..

Chị H, anh T có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

4. Về tài sản, công nợ chung: Chị Tẩn Mai H và anh Ninh Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí*:* Chị Tẩn Mai H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02433 ngày 13 tháng 5 năm 2020. (Chị H đã nộp đủ án phí)

6. Quyền kháng cáo: Báo cho chị Tẩn Mai H và anh Ninh Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- TAND tỉnh;
- UBND xã Đạo Đ, huyện V, tỉnh H;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Anh Luyện